TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN NINH KIỀU
THÀNH PHỐ CẦN THƠ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 117/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 29 - 11 - 2022
V/v ly hôn giữa bà C và ông T.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN NINH KIỀU, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Phượng.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Phan Công Ny.
2. Bà Hồ Thị Kim Luyến.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Thanh Tuấn - Thư ký Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ninh Kiều tham gia phiên tòa: Ông Tô Văn Tông – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 03/2022/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 01 năm 2022 về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 837/2022/QĐXX-ST ngày 05 tháng 10 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 321/2022/QĐST-HNGĐ ngày 02 tháng 11 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị C**, sinh năm xxxx (có đơn xin vắng mặt)
Địa chỉ: Số xxx đường N, phường A, quận B, thành phố Cần Thơ.

2. Bị đơn: Ông **Nguyễn Hoàng T**, sinh năm 1981 (vắng mặt)
Địa chỉ: Số xxx đường H, phường A1, quận N, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện ngày 15-12-2021 và trong quá trình giải quyết nguyên đơn - bà Nguyễn Thị C trình bày*:

Bà và ông Nguyễn Hoàng T tự nguyện tìm hiểu, tiến tới hôn nhân vào năm 2007, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường A, quận N, thành phố Cần Thơ vào ngày 05-4-2007. Qúa trình chung sống, thời gian đầu vợ chồng hạnh phúc nhưng về sau

thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, bất đồng trong suy nghĩ và quan điểm, hạnh phúc gia đình không có, mục đích hôn nhân không đạt được. Xét thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn nên bà muốn ly hôn với ông T.

Về nuôi con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Ngọc Kiều T1 (nữ) sinh ngày xxxx và Nguyễn Vĩnh K (nam) sinh ngày xxxx. Khi ly hôn, bà yêu cầu được trực tiếp nuôi hai con chung, yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định pháp luật.

Về tài sản chung: Bà C không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Bà C xác định không có.

* Bị đơn ông Nguyễn Hoàng T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn không đến tòa nên không thể ghi nhận ý kiến của ông T được.

Tại phiên tòa hôm nay,

Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt.

Bị đơn vắng mặt không lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ninh Kiều phát biểu ý kiến:

- Về tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Người tham gia tố tụng nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần 2 nhưng vẫn vắng mặt không lý do, căn cứ Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử theo quy định.

- Về giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Bà Nguyễn Thị C được ly hôn với ông Nguyễn Hoàng T. Giao con chung Nguyễn Ngọc Kiều T1 (nữ) sinh ngày xxxx và Nguyễn Vĩnh K (nam) sinh ngày xxxx cho bà C trực tiếp nuôi dưỡng, ông T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi đứa 1.000.000 đồng/tháng cho đến khi cháu T1, cháu K tròn 18 tuổi. Về tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra xem xét, nếu sau này có phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ án khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Bà Nguyễn Thị C có đơn xin xét xử vắng mặt; ông Nguyễn

Hoàng T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt. Tòa án áp dụng Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 để xét xử vắng mặt bà C, ông T là phù hợp quy định của pháp luật.

[2] *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền thụ lý vụ án*: Căn cứ vào đơn khởi kiện ngày 15-12-2021, bà Nguyễn Thị C khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Hoàng T, do đó xác định đây là loại kiện "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Do ông T có địa chỉ cư trú tại quận Ninh Kiều nên vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều theo quy định tại khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] *Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn*:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà C và ông T tự nguyện tìm hiểu, đi đến hôn nhân có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường A, quận N, thành phố Cần Thơ theo Giấy chứng nhận kết hôn số 56, quyển số 01 ngày 05-4-2007 nên được xem đây là hôn nhân hợp pháp. Qúa trình chung sống, bà C cho rằng do vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc nên bà xin ly hôn với ông T. Hội đồng xét xử xét thấy, ông T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng ông T không đến điều đó chứng tỏ ông T không tha thiết đoàn tụ, mâu thuẫn giữa bà C và ông T đã thực sự trầm trọng, thiết nghĩ một bên đã không còn tha thiết gì với cuộc hôn nhân này và đã khẳng định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu tiếp tục duy trì hôn nhân cũng không mang lại hạnh phúc nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà C theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3.2] Về nuôi con chung: Bà C và ông T có 02 con chung tên Nguyễn Ngọc Kiều T1 (nữ) sinh ngày xxxx và Nguyễn Vĩnh K (nam) sinh ngày xxxx. Bà C yêu cầu được nuôi 02 con chung. Hội đồng xét xử thấy, cháu T1 và cháu K có nguyện vọng sống với bà C, hiện tại hai cháu cũng đang sống chung với bà C, do đó để tránh làm xáo trộn đời sống tinh thần của hai cháu nên giao cháu T1 và cháu K cho bà C tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp.

[3.3] Về mức cấp dưỡng nuôi con: Bà C yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi hai con chung theo quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử xét thấy, theo quy định của pháp luật, ông T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu T1, cháu K mỗi tháng ½ mức lương tối thiểu tương đương số tiền 745.000 đồng, tuy nhiên số tiền này quá thấp không đủ chi phí để cho việc nuôi dưỡng, chăm sóc con nên buộc ông T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi đứa một tháng 1.000.000 đồng, thời hạn cấp dưỡng tính từ ngày bản án có hiệu lực cho đến khi cháu T1, cháu K tròn 18 tuổi.

[3.4] Về tài sản chung: Bà C không yêu cầu giải quyết và do xét xử vắng mặt ông T nên không đặt ra xem xét. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ kiện khác.

[3.5] Về nợ chung: Bà C xác định không có và do xét xử vắng mặt ông T nên không đặt ra xem xét. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ kiện khác.

[4] Xét trình bày của Viện kiểm sát là phù hợp theo quy định của pháp luật.

[5] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà C phải chịu theo quy định của pháp luật.

[6] Về án phí cấp dưỡng nuôi con: Ông T phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị C.

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Cho ly hôn giữa bà Nguyễn Thị C và ông Nguyễn Hoàng T.

2. *Về nuôi con chung*: Giao con chung Nguyễn Ngọc Kiều T1 (nữ) sinh ngày xxxx và Nguyễn Vĩnh K (nam) sinh ngày xxxx cho bà Nguyễn Thị C trực tiếp nuôi dưỡng, ông T cấp dưỡng tiền nuôi con chung mỗi đứa một tháng 1.000.000 đồng (Một triệu đồng). Thời hạn cấp dưỡng nuôi con tính từ ngày bản án có hiệu lực cho đến khi cháu T1, cháu K tròn 18 tuổi. Dành quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung cho ông T không ai có quyền ngăn cản. Vì lợi ích mọi mặt của cháu T1 và cháu K, các bên có quyền làm đơn xin thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

3. *Về tài sản chung, nợ chung*: Không đặt ra xem xét. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ kiện khác.

4. *Về án phí hôn nhân*: Bà Nguyễn Thị C phải chịu tiền án phí sơ thẩm ly hôn là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0001531 ngày 04-01-2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự

quận Ninh Kiều, thành phố Cần T1, bà C không phải nộp thêm.

5. *Về án phí cấp dưỡng nuôi con*: Ông Nguyễn Hoàng T phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *TAND TP. Cần T1;*
- *VKSND Q.Ninh Kiều;*
- *Chi cục THADS Q.Ninh Kiều;*
- *UBND P. An Cư;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Kim Phượng